

Số/ No.: VLAB0-260311-023/1

Ngày phát hành/ Issue date : 14/03/2026
Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC HÀ LAN**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: số 567, ấp Hòa Thuận 2, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving 11/03/2026
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing 11/03/2026 đến 14/03/2026
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name **NƯỚC SAU XỬ LÝ NHÀ MÁY TÂN KIM - ĐẦU NGUỒN**
Tình trạng mẫu/ State of sample Mẫu đựng trong chai nhựa kín/ Samples in plastic bottles.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.
(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.
- KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.
- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.
- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Phạm Lê Tiến Khánh



TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Trường Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Trường Ward, HCM City
Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, Long Tuyền Ward, Can Tho City
Bac Lieu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Văn Lầu Street, Vĩnh Trạch Ward, Ca Mau Province
Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260311-023/1



Ngày phát hành/ Issue date : 14/03/2026
Trang/ Page : 2/2

Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method	QCĐP 01:2022/LA(*)
1.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	<3
2.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	<1	CFU/100ml	-	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	<1
3.	Độ đục/Turbidity	KPH/ND	NTU	0,5	SMEWW 2130B:2023(a)	2
4.	Độ màu/Color	KPH/ND	TCU	6	SMEWW 2120 C:2023(a)	15
5.	pH/pH Value	7,29	-	-	TCVN 6492: 2011(a)	Trong khoảng 6,0-8,5
6.	Mùi vị/Odor, Taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ
7.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/L	0,003	SMEWW 3030E:2023/SMEWW 3125B:2023(a)	0,01
8.	Hàm lượng Clo tự do (Cl ₂)/Free chlorine content	0,32	mg/L	-	SMEWW 4500-Cl ₂ -B:2023(a)	Trong khoảng 0,2-1,0

Ghi chú/ Remark(s): Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

(*) Quy chuẩn khách hàng cung cấp

Kết luận: Kết quả kiểm nghiệm đã đạt so với với quy chuẩn QCĐP 01:2022/LA

[Kết thúc báo cáo/ End of report]